TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TRIỀU - VIGLACERA (VIDOCO)

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 22.03.000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 8 năm 2006)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera Xã Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	Điện thoại: 033 870 038 Fax: 033 670 067
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam Trụ sở chính: 306 - Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội	Điện thoại: 04 974 1865 Fax: 04 974 5601
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh 153 - Hàm Nghi - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	Điện thoại: 08 914 0200 Fax: 08 914 0201

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Luyện Công Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điện thoại: 04.7534256
Địa chỉ: Xã Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	Fax: 04.8361012

QUẢNG NINH, 10/2006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TRIỀU - VIGLACERA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 22.03.000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 8 năm 2006)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	**:**	**Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera**
Loại cổ phiếu	**:**	**Cổ phiếu phổ thông**
Mệnh giá	**:**	**10.000 đồng/cổ phần**
Tổng số lượng đăng ký	**:**	**500.000 cổ phần**
Tổng giá trị đăng ký	**:**	**5.000.000.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội — Kiểm toán năm 2004

Điện thoại: 04 824 1990 — Kiểm toán năm 2005

Fax: 04 825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính:

306 - Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04 974 1865/

Fax: 04 974 5601

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

153 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.914 0200

Fax: 08 914 0201

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ... 1

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ... 1
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN ... 1

II. KHÁI NIỆM ... 1

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ... 2

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ... 2
2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẮM GIỮ ... 5
3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ (KHÔNG CÓ) ... 6
4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ... 6
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ... 9
6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT ... 16
7. TÌNH HÌNH TÀI SẢN ... 19
8. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC ... 21
9. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC ... 21
10. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC ... 22
11. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ ... 23
12. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ (KHÔNG CÓ) ... 23

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ ... 23

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN ... 23
2. MỆNH GIÁ ... 23
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ... 23
4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ ... 23
5. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI Ở NGOÀI VIỆT NAM ... 23
6. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN ... 24

V. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ ... 24

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN ... 24
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ... 24

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ... 25

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ ... 25
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP ... 25
3. RỦI RO KINH DOANH ... 25
4. RỦI RO VỀ GIÁ VÀ TỶ GIÁ ... 26
5. RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ... 26

VII. PHỤ LỤC ... 26

- ✓ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ✓ Sổ theo dõi cổ đông
- ✓ Nghị quyết của HĐQT/Hội đồng thành viên về ĐKGD cổ phiếu
- ✓ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005
- ✓ Điều lệ công ty

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TRIỀU - VIGLACERA

Ông Luyện Công Minh	Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
Ông Đoàn Văn Sinh	Chức vụ: **Giám đốc**
Bà Đậu Thị Tuyết	Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý, theo đó, nhà đầu tư có thể hiểu, phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như triển vọng trong tương lai của Công ty.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Đại diện theo pháp luật : **Bà Phạm Thị Tuyết Mai**

Chức vụ : **Giám đốc Công ty**

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn đăng ký giao dịch số 16/2006-HĐĐKGD, ngày 6 tháng 7 năm 2006 với Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera (Vidoco). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Vidoco cung cấp và từ phương án cổ phần hoá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. KHÁI NIỆM

- Công ty	:	Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera
- Tổ chức Đăng ký giao dịch	:	Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera
- Vidoco	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera
- IBS	:	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- TTGDCKHN	:	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
- TTCK	:	Thị trường chứng khoán
- UBCKNN	:	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
- ĐKGD	:	Đăng ký giao dịch
- Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu về tổ chức đăng ký

Tổ chức đăng ký	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TRIỀU – VIGLACERA**
Tên giao dịch quốc tế	:	VIGLACERA DONG TRIEU JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	VIDOCO
Địa chỉ	:	Xã Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
Điện thoại / Fax	:	033 870 038 / 033 670 067
Vốn điều lệ	:	5.000.000.000 đồng
Số lượng đăng ký	:	500.000 cổ phần
Mệnh giá một cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- ***Từ năm 1965 đến năm 1971***

Công ty Gốm Đông Triều tiền thân là Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều được bàn giao từ Ban kiến thiết – Ty kiến trúc Quảng Ninh tháng 1 năm 1965, có trụ sở đóng trên địa bàn xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Dây chuyền công nghệ gồm: 1 hệ máy sản xuất gạch EG2 và 1 máy ép ngói thủ công với công suất thiết kế là 5.000.0000 viên gạch và 350.000 viên ngói lợp/năm, lao động 150 người, tổng giá trị tài sản là 300.000 đồng.

- ***Từ năm 1971 đến năm 1978***

Theo Quyết định số 1014/BKT-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 1971 của Bộ trưởng Bộ kiến trúc, Xí nghiệp được chuyển giao từ Ty Kiến trúc Quảng Ninh sang Bộ Kiến trúc quản lý với nhiệm vụ sản xuất 7.000.000 viên gạch và 800.000 viên ngói/năm.

Theo Quyết định số 122/BKT-KH ngày 25 tháng 10 năm 1972 của Bộ kiến trúc cho phép Xí nghiệp được đầu tư mở rộng, lắp đặt hệ sản xuất Gạch 4 máy và xây dựng 1 hệ thống hầm sấy gạch 8 buồng với giá trị là 2.000.000 đồng (nguồn vốn ngân sách).

Năm 1974, Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều được chuyển về Công ty Gạch ngói sành sứ xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và nay là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng.

- ***Từ năm 1978 đến năm 1980***

Thực hiện Quyết định số 1190/BXD thành lập Nhà máy Gạch Đông Triều (Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều sáp nhập với Nhà máy Gạch Silicat Đông Triều) nhiệm vụ sản xuất không thay đổi nhưng quy mô tổ chức ở giai đoạn này chỉ còn gọi là Phân xưởng Gạch Đông Triều với sản lượng 5.000.000 viên gạch và 500.000 viên ngói/năm, 200 lao động và là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc Nhà máy Gạch Đông Triều.

- ***Từ năm 1980 đến năm 1993***

Theo yêu cầu của mô hình tổ chức, thực hiện Quyết định số 953/BXD-TCCB ngày 1 tháng 7 năm 1980 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tách Xưởng Gạch ngói Đông Triều trực thuộc Nhà máy Gạch Đông Triều trả lại là Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều hạch toán kinh tế độc lập từ ngày 1 tháng 8 năm 1980.

- Ngày 24 tháng 3 năm 1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 093A/QĐ-BXD-TCLĐ thành lập lại Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 7 tháng 5 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.
- Ngày 21 tháng 4 năm 1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 181/QĐ-BXD-TCLĐ sáp nhập Nhà máy Gạch lát hoa Đông Triều (Nhà máy Gạch Silicat Đông Triều cũ) vào Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều.
- Ngày 2 tháng 1 năm 1996, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 07/QĐ-BXD-TCLĐ đổi tên Xí nghiệp Gạch ngói Đông Triều thành Công ty Gốm xây dựng Đông Triều.
- Ngày 14 tháng 1 năm 2004, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 90/QĐ-BXD chuyển đổi Công ty Gốm Xây dựng Đông Triều thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng thành Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera
- Ngày 1 tháng 3 năm 2004, Công ty Gốm Xây dựng Đông Triều chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ đăng ký là 4.500.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước là 51%.
- Ngày 9 tháng 8 năm 2006, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 số 22.03.000226 tăng vốn điều lệ lên 5.000.000.000 đồng.
- Hiện nay, Công ty Gốm xây dựng Đông Triều có 3 nhà máy:

NHÀ MÁY GẠCH ĐÔNG TRIỀU 1	NHÀ MÁY GẠCH ĐÔNG TRIỀU 2	NHÀ MÁY GẠCH ĐẦM HÀ
– Địa chỉ: Xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. – Thời kỳ đầu mới thành lập: Quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu nung gạch theo quy trình lò đứng, lao động thủ công nặng nhọc. – Năm 1993, đầu tư dây chuyền 1 gồm 1 hệ chế biến tạo hình Tiệp khắc và 1 hệ lò nung sấy Tuynel với công suất 25.000.000 viên QTC/năm. – Năm 1996, đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất số 2 gồm hệ chế biến tạo hình Ucraina, Italia và 1 hệ lò nung sấy Tuynel nâng **công suất lên 60 triệu viên QTC/năm**.	– Địa chỉ: Xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. – Năm 2002 được Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng phê duyệt LCKTKT đầu tư Nhà máy gạch Tuynel gồm 1 hệ chế biến tạo hình và 1 hệ lò nung, sấy Tuynel có **công suất 18-20 triệu viên QTC/năm** (trên khu đất Nhà máy Silicat Đông Triều cũ thuộc xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).	– Địa chỉ: Xã Tân Bình, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh. – Năm 2003, đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel gồm 1 hệ chế biến tạo hình và 1 hệ lò nung, sấy Tuynel có **công suất 18-20 triệu viên QTC/năm**.

Đến nay, toàn Công ty đã có 3 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng với công suất thiết kế 100 triệu viên gạch QTC/năm. Bao gồm các loại gạch xây 2 lỗ, 6 lỗ, gạch nem tách 200, 250, 300, các loại ngói lợp, ngói mũi hà, ngói sò… Thị trường tiêu thụ là: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình…

1.3. Cơ cấu sở hữu (Đến thời điểm 31/8/2006)

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị vốn cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng số cổ phần	***500.000***	***5.000.000.000***	***100,00%***
- Nhà nước	229.500	2.295.000.000	45,900%
- CBCNV Công ty	182.210	1.822.100.000	36,442%
- Cổ đông bên ngoài	88.290	882.900.000	17,658%

1.4. Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera

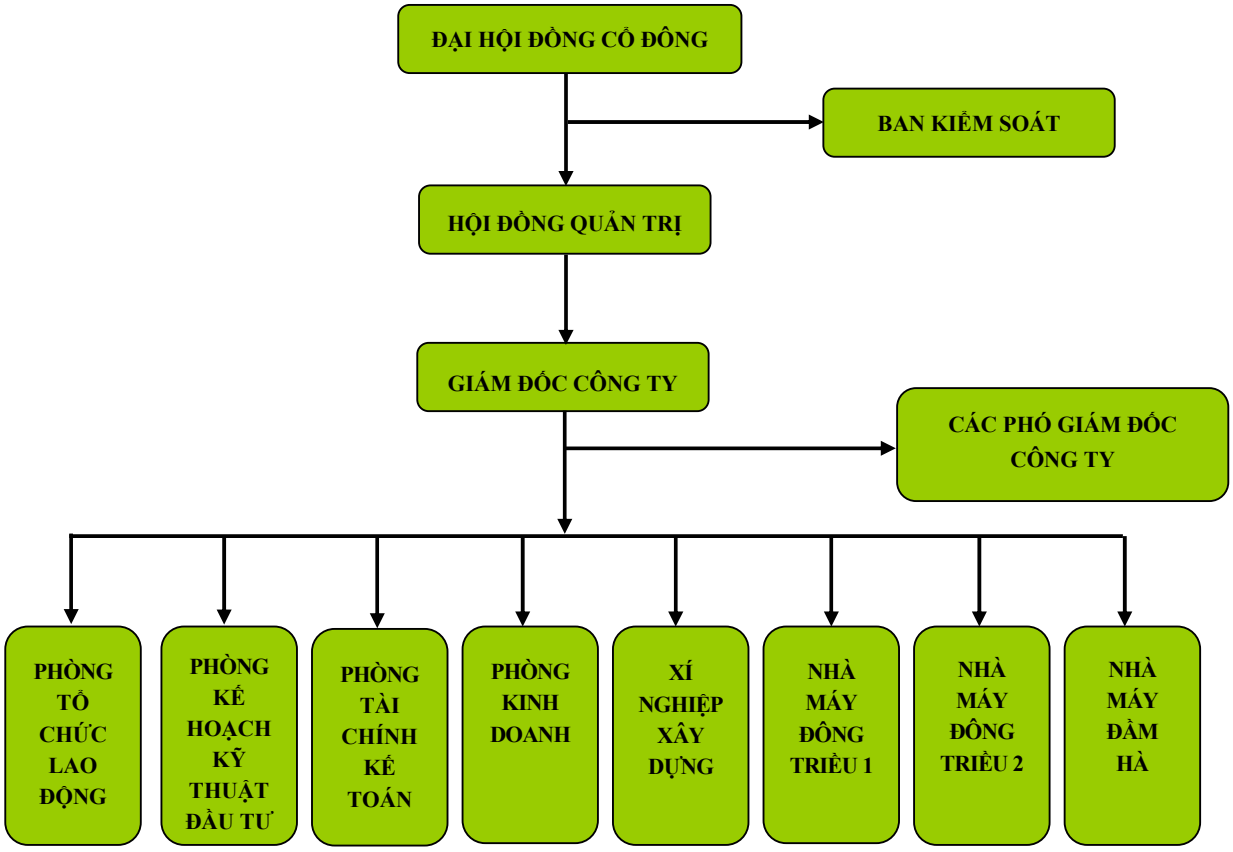

Cơ cấu tổ chức, hoạt động và các vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các bộ phận của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông họp thông qua.

1.5. Tình hình lao động của Công ty tại thời điểm 31/8/2006

Stt	Trình độ	Số lượng lao động (người)	
		31/12/2005	31/8/2006
1	Trình độ trên đại học	0	0
2	Trình độ Đại học	31	29
3	Trình độ Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	59	55
4	Công nhân kỹ thuật từ Bậc 5 - 7	36	35
5	Công nhân kỹ thuật	357	363
6	Lao động phổ thông	301	224
	Tổng số	**784**	**706**

1.6. Lĩnh vực đăng ký kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Đầu tư hạ tầng, xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất gạch ngói đất sét nung;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại và du lịch;
- Kinh doanh đầu tư bất động sản;
- Khai thác, chế biến nguyên nhiên vật liệu sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đại lý xăng dầu.

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẮM GIỮ

Đến thời điểm 31/8/2006

STT	TÊN CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)	ĐỊA CHỈ
1	**Ông Luyện Công Minh** - Đại diện phần vốn Nhà nước - Cổ phần sở hữu cá nhân	**15.700** 15.300 400	**34,89%** 34,00% 0,89%	24 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	**Bà Phan Thị Tới** - Đại diện phần vốn Nhà nước - Cổ phần sở hữu cá nhân	**9.652** 7.650 2.062	**21,12%** 17,00% 4,12%	11 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
3	**Ông Đoàn Văn Sinh**	**3.391**	**6,78%**	Tổ 44, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
4	**Ông Phan Văn Hùng**	**93**	**0,19%**	Xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
5	**Ông Bùi Đại Thiên**	**1.008**	**2,02%**	Xã Hưng Đạo, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Ghi chú: Theo Luật Doanh nghiệp, trong 3 năm đầu kể từ khi Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ (KHÔNG CÓ)

4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera là một trong những đơn vị sản xuất kinh doanh Gạch đất nung hàng đầu tại Việt Nam. Các sản phẩm của Công ty được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại gồm một hệ thống chế biến tạo hình Tiệp khắc và một hệ lò nung sấy Tuynel.

Với một đội ngũ lao động lành nghề, dầy dặn kinh nghiệm, Công ty cho ra lò hàng loạt các sản phẩm gạch chất lượng cao như gạch xây 2 lỗ, 6 lỗ, gạch nem tách 200, 250, 300, các loại ngói lợp, ngói mũi hà, ngói sò…

Hiện nay, Công ty có ba nhà máy (Nhà máy Gạch Đông Triều 1, Nhà máy Gạch Đông Triều 2 và Nhà máy Gạch Đầm Hà) được trang bị hệ thống chế biến tạo hình của Tiệp khắc, Ucraina, Italia và hệ thống lò sấy Tuynel với tổng công suất là 100 triệu viên QTC/năm.

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ chính qua các năm

Đơn vị tính: viên

Sản phẩm	Sản lượng sản xuất			Sản lượng tiêu thụ		
	Năm 2004	Năm 2005	So sánh	Năm 2004	Năm 2005	So sánh
Gạch xây 2 lỗ	83.891.000	85.804.800	102,28%	82.007.000	84.251.100	102,74%
Gạch xây 6 lỗ	7.370.000	10.545.000	143,08%	7.429.000	9.627.200	129,59%
Gạch quay ngang	542.000	785.100	144,85%	548.000	751.400	137,12%
Gạch 3 lỗ 150	576.000	516.000	89,58%	513.000	514.800	100,35%
Gạch đặc các loại	45.000	324.000	720,00%	32.000	295.900	924,69%
Gạch nem tách 250	9.831.000	5.564.200	56,60%	9.791.000	5.560.600	56,79%
Gạch nem tách 300	990.000	1.379.500	139,34%	962.000	712.300	74,04%
Gạch nem bậc thềm	8.000	9.300	116,25%	7.000	7.000	100,00%
Ngói 22	999.000	582.900	58,35%	994.000	438.000	44,06%
Ngói mũi hài	459.000	314.300	68,47%	467.000	329.100	70,47%
Gạch nem rỗng 50	316.000	210.600	66,65%	285.000	213.900	75,05%
Sản phẩm khác	20.203.000	22.877.700	113,24%	20.223.000	20.021.900	99,00%
Tổng cộng	**125.230.000**	**128.913.400**		**123.258.000**	**122.723.200**	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera)

Doanh thu sản phẩm chính qua các năm

Khoản mục	Năm 2004		Năm 2005	
	Giá trị (Đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Đồng)	Tỷ trọng (%)
Gạch xây 2 lỗ	21.897.967.647	60,04%	25.015.076.721	63,66%
Gạch xây 6 lỗ	4.997.703.570	13,70%	7.223.480.157	18,38%
Gạch quay ngang	203.171.500	0,56%	309.932.000	0,79%
Gạch 3 lỗ 150	255.457.200	0,70%	258.273.500	0,66%
Gạch đặc các loại	16.993.000	0,05%	161.421.250	0,41%
Gạch nem tách 250	5.508.740.415	15,10%	3.770.981.985	9,60%
Gạch nem tách 300	1.589.028.463	4,36%	1.171.670.405	2,98%
Gạch nem bậc thềm	47.052.121	0,13%	50.269.211	0,13%
Ngói 22	1.407.096.582	3,86%	853.369.977	2,17%
Ngói mũi hài	217.452.895	0,59%	147.772.134	0,38%
Gạch nem rỗng	114.651.536	0,31%	86.243.227	0,22%
Sản phẩm khác	215.487.505	0,59%	622.037.468	1,57%
Tổng cộng	**36.470.802.434**	**100%**	**39.670.528.035**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera)

Bên cạnh lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, Công ty còn tổ chức xây dựng hoàn thành khu kinh doanh dịch vụ, thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng sân phơi gạch Nhà máy Đầm Hà, xây dựng nhà ở tập thể tại Nhà máy Đầm Hà…

Sản lượng tiêu thụ và doanh thu sản phẩm chính 9 tháng đầu năm 2006

Khoản mục	Sản lượng tiêu thụ		Doanh thu tiêu thụ	
	Sản lượng (viên)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Gạch xây 2 lỗ	62.962.482	66,027%	14.357.138.112	62,40%
Gạch xây 6 lỗ	9.736.542	25,526%	5.759.065.879	25,03%
Gạch quay ngang	713.016	0,822%	331.529.090	1,44%
Gạch 3 lỗ 150	420.150	0,687%	240.493.250	1,05%
Gạch đặc các loại	112.684	0,165%	61.905.560	0,27%
Gạch nem tách 250	1.677.051	2,744%	974.917.661	4,24%
Gạch nem tách 300	949.700	2,988%	841.319.468	3,66%
Gạch nem bậc thềm	3.785	0,024%	25.608.877	0,11%
Ngói 22	338.640	0,710%	240.064.493	1,04%
Ngói mũi hài	132.468	0,139%	57.198.830	0,25%
Gạch nem rỗng	111.770	0,117%	45.516.765	0,20%
Sản phẩm khác	47.766	0,050%	73.369.756	0,32%
Tổng cộng	**95.358.640**	**100%**	**23.008.127.741**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera)

4.2. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh

Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty, do đó, Công ty không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể là:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chí phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng tổ, đội sản xuất và các bộ phận trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;
- Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã sản phẩm, đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng cường sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế và hiệu quả cao;
- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;
- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;
- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và biện pháp thu nợ hợp lý.
- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty.

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Kết quả hoạt động kinh doanh 2004-2005 và 6 tháng đầu năm 2006

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	6 tháng đầu năm 2006
Tổng giá trị tài sản	**50.058.071.454**	**50.037.944.297**	**47.844.436.408**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.488.863.261	39.673.388.035	23.008.765.241
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.470.802.434	39.670.528.035	23.008.127.741
Giá vốn hàng bán	26.177.815.797	29.340.758.053	17.583.428.542
Lợi nhuận gộp	10.292.986.637	10.329.769.982	5.424.699.199
Doanh thu hoạt động tài chính	125.858.175	149.240.898	117.434.158
Chi phí tài chính	2.479.651.537	3.372.080.348	1.817.001.089
Trong đó: chi phí lãi vay	-	*3.372.080.348*	*1.817.001.089*
Chi phí bán hàng	3.081.070.645	3.190.974.790	1.791.313.723
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.489.985.805	2.508.288.379	1.362.819.524
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.368.136.825	1.407.667.363	570.999.021
Thu nhập khác	42.374.912	32.563.530	9.707.176
Chi phí khác	1.000.000	8.643.000	-
Lợi nhuận khác	41.374.912	23.920.530	9.707.176
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.409.511.737	1.431.587.893	580.706.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	2.409.511.737	1.431.587.893	580.706.197
Tỷ lệ cổ tức	18%	17%	9,43%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera năm 2004, 2005 đã được AASC kiểm toán; Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera 6 tháng đầu năm 2006 do Công ty Đông Triều – Viglacera cung cấp)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu 2004 – 2005 và 6 tháng đầu năm 2006

Chỉ tiêu	Năm 2005	6 tháng đầu năm 2006
1. Các hệ số thanh toán		
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = (Tổng tài sản/Tổng Nợ phải trả)	1,15	1,17
Hệ số thanh toán ngắn hạn = (TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn/Tổng Nợ ngắn hạn)	0,65	0,65
Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn - HTK)/Tổng Nợ ngắn hạn	0,20	0,25
2. Các hệ số cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ ngắn hạn = (Nợ ngắn hạn/Tổng Nguồn vốn)	0,55	0,52
Hệ số Nợ dài hạn = (Nợ dài hạn/Tổng Nguồn vốn)	0,32	0,33
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho = (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,55	1,59
Vòng quay các khoản phải thu = (Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu)	9,22	4,5
Vòng quay vốn chủ sở hữu = (Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu)	6,18	3,33
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	79,28%	48,09%

4. Hệ số sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	3,61%	2,52%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	22,32%	8,41%
Hệ số LNST/Tổng Tài sản (ROA)	2,86%	1,21%

Giải thích:

Năm 2005, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để khắc phục những khó khăn và thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, cụ thể như sau:

- Là một Công ty cổ phần chuyên sản xuất kinh doanh vật liệu đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác nên nhu cầu vốn lưu động cho dự trữ nguyên nhiên liệu là rất lớn. Theo báo cáo tài chính ngày 31/12/2005, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 63,28% nợ phải trả) với số dư là 27.477.922.902 đồng, trong đó chủ yếu là khoản vay ngắn hạn.
- Hệ số khả năng thanh toán phản ánh năng lực thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Khả năng thanh toán nhanh của Công ty thấp do cơ cấu hàng tồn kho lớn (chiếm 68,79% tổng tài sản lưu động). Tuy nhiên, năng lực hoạt động của Công ty khá tốt với chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và tỷ lệ doanh thu thuần/tổng tài sản như đã trình bày ở trên. Mặc dù vốn chủ sở hữu của Công ty không lớn nhưng hoạt động khá hiệu quả, năm 2005 tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 22,32%.

5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005.

Thuận lợi

- Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng, Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, sự giúp đỡ chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Tổng công ty và các phòng ban chức năng;
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ được rèn luyện thử thách qua thực tiễn, đa số luôn phát huy được tính năng động sáng tạo, cần cù chịu khó và có tinh thần trách nhiệm. Tập thể Công ty luôn đoàn kết, thống nhất, quyết tâm thực hiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;
- Lãnh đạo Công ty đã xác định đúng phương hướng phát triển chiến lược của Công ty hiện tại cũng như tương lai, đó là đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh, tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã sản phẩm, đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng cường sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế và hiệu quả cao.

Khó khăn

Năm 2005 là năm có nhiều biến động như dịch cúm gia cầm, giá dầu hỏa tăng, tình hình chính trị diễn biến phức tạp và xung đột vũ trang thường xuyên xảy ra trên thế giới… đã làm cho nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn thử thách. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng gạch ngói, đất sét nung nói chung và của Công ty Cổ phần Đông Triều – Viglacera nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt do có nhiều đơn vị sản xuất tư nhân cũng như các doanh nghiệp khác cùng sản xuất mặt hàng gạch ngói đất sét nung ra đời trên địa bàn tiêu thụ của Công ty;
- Trong năm, Chính phủ đã ba lần điều chỉnh tăng giá bán xăng dầu làm cho giá cả vật tư đầu vào đều tăng từ 10% đến 20%, chi phí sản xuất trực tiếp và chi phí vận chuyển tăng trong khi giá bán sản phẩm không tăng lên được;
- Sự điều chỉnh tăng lãi suất huy động và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại; sự điều chỉnh thang bảng lương, tăng lương của Nhà nước đã làm tăng thêm chi phí đầu vào của sản phẩm;
- Để tăng cường công tác quản lý trong lĩnh vực xây dựng, đất đai. Nhà nước đã ban hành một số các chính sách quản lý chặt chẽ hơn tuy nhiên các chính sách này còn nhiều bất cập, chưa thông thoáng, sát thực tế nên đã tác động trực tiếp đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, tốc độ xây dựng các công trình dân dụng chậm, thị trường bất động sản bị đóng băng nên đã làm ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty;
- Nguồn nguyên liệu ngày càng khó khăn do Công ty chưa quy hoạch đủ vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất lâu dài và ổn định;
- Lao động trong năm có nhiều biến động do trên địa bàn có nhiều doanh nghiệp mới ra đời, người lao động nghỉ việc để chuyển sang các đơn vị ngành than và các doanh nghiệp khác có công việc nhẹ nhàng hơn do đó lực lượng lao động tại Công ty liên tục bị biến động.

Song với quyết tâm và cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty vẫn luôn hoàn thành kế hoạch đặt ra ở cả 4 chỉ tiêu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như đã trình bày ở trên.

5.3. Thuyết minh vay ngắn hạn và dài hạn

Vay và nợ ngắn hạn

Số dư tại thời điểm 31/12/2005 là **21.572.510.837 đồng**, trong đó:

- Vay ngắn hạn là 16.701.359.273 đồng,
- Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng VCB đến hạn trả là 127.951.564 đồng
- Vay dài hạn đến hạn trả là 4.743.200.000 đồng

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ
040210034/HDTD – NHCT Uông Bí	500.000.000 đồng
040210044/HDTD – NHCT Uông Bí	808.000.000 đồng
040210068/HDTD – NHĐT & PT Đông Triều	82.000.000 đồng
KƯ 26,29,30,31 – NHNNo Đông Triều	3.277.800.000 đồng
Đến hạn năm 2005 chưa trả hết	75.400.000 đồng
	4.743.200.000 đồng

Phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước

Số dư tại thời điểm 31/12/2005 là **2.648.690.059 đồng**, trong đó:

- Phải trả người bán là 2.646.323.790 đồng
- Người mua trả tiền trước là 2.366.269 đồng

Vay và nợ dài hạn

Số dư tại thời điểm 31/12/2005 là **11.885.405.543 đồng,** trong đó:

Vay dài hạn : 11.798.667.222 đồng

- Vay cán bộ CNV: 2.030.667.222 đồng
- Vay ngân hàng : 9.768.000.000 đồng

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	Lãi suất	VAY NGÂN HANG
040210034/HDTD – NHCT Uông Bí	0,85%	1.500.000.000
040210044/HDTD – NHCT Uông Bí	0,85%	1.472.000.000
040210068/HDTD – NHĐT & PT Đông Triều	0,82%	4.149.200.000
KƯ 26,29,30,31 – NHNNo Đông Triều	0,82%	2.722.200.000
Đến hạn năm 2005 chưa trả hết		- 75.400.000
		9.768.000.000

Nợ dài hạn : 86.738.321 đồng

Thuê tài chính : 86.738.321 đồng

Nợ dài hạn đến hạn trả : 4.871.151.564 đồng

Trong đó: Vay ngân hàng : 4.743.200.000 đồng

Thuê tài chính : 127.951.564 đồng

Giải thích:

Nợ dài hạn đến hạn trả công ty sẽ trích khấu hao trả nợ vào năm 2006.

Vay ngân hàng 4.743.200.000 đồng, đến thời điểm 30/11/2006 công ty đã trả 3.585.700.000 đồng, số còn lại công ty sẽ trích khấu hao trả hết vào tháng 12 năm 2006. Cụ thể công ty đã trả cho các ngân hàng sau:

Stt	Ngân hàng	Số chứng từ, ngày, tháng, năm trả nợ	Số tiền trả nợ (Đồng)	Nội dung thanh toán
1	Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Uông Bí	- Số 0093 ngày 23/3/2006 - Số PC165 ngày 29/5/2006 - Số PC117 ngày 25/9/2006	20.500.000 20.500.000 20.500.000	- Trả nợ HĐTD số 01/2004/HĐ - Trả nợ HĐTD số 01/2004/HĐ - Trả nợ HĐTD số 01/2004/HĐ
2	Chi nhánh Ngân hàng Công thươngUông Bí	- Số PC121 ngày 22/02/2006 - Số PC59 ngày 3/3/2006 - Số PC 81 ngày 14/3/2006 - Số PC85 ngày 15/3/2006 - Số PC140 ngày 25/5/2006 - Số PC46 ngày 14/6/2006 - Số PC48 ngày15/6/2006 - Số PC97 ngày 22/8/2006 - Số CT01 ngày 24/8/2006 - Số PC60 ngày 15/9/2006 - Số CT03 ngày 20/11/2006 - SốPC107 ngày 28/11/2006	125.000.000 94.000.000 75.000.000 33.000.000 125.000.000 100.100.000 101.900.000 40.800.000 84.200.000 202.000.000 125.000.000 202.000.000	- Trả nợ HĐTD số 04021003A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021003A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021003A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021003A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021003A/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 04021004A/HĐTD
3	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Triều	- Số M10127 ngày 1/3/2006 - Số MH0294 ngày 17/3/2006 - Số MK0295 ngày 20/3/2006 - Số MK0296 ngày 20/3/2006 - Số MU0338 ngày 30/3/2006 - Số MU0341 ngày 30/3/2006 - Số PD0241 ngày 13/6/2006 - Số PE0244 ngày 14/6/2006 - Số PF0179 ngày 15/6/2006 - Số PG0269 ngày 16/6/2006 - Số PK0241 ngày 20/6/2006 - Số PK0247 ngày 20/6/2006 - Số PK0250 ngày 20/6/2006 - Số PR0366 ngày 27/6/2006 - Số SD0257 ngày 13/9/2006 - Số SK0414 ngày 20/9/2006 - Số SS0409 ngày 28/9/2006 - Số US0285 ngày 28/11/2006	94.000.000 100.000.000 220.000.000 50.000.000 20.000.000 8.000.000 65.000.000 70.000.000 388.200.000 105.000.000 240.000.000 105.000.000 80.000.000 78.000.000 94.000.000 240.000.000 159.000.000 100.000.000	- Trả nợ HĐTD số 01/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 05/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 05/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 01/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 02/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 02/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 02/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 05/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 02/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 01/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 05/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 03/HĐTD - Trả nợ HĐTD số 01/HĐTD
	Tổng cộng		**3.315.700.000**	

5.4. Thuyết minh hàng tồn kho

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty sản xuất là chủ yếu nên hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản. Trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2005 của Công ty, hàng tồn kho chiếm 24,44% tổng tài sản và chiếm tới 68,79% tài sản ngắn hạn của đơn vị.

Nguyên nhiên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm là đất sét dẻo và than. Nguồn nguyên liệu đầu vào được ký hợp đồng trước với các nhà cung cấp đảm bảo cho hoạt động sản xuất của Công ty, do đó không có rủi ro về khan hiếm nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như biến động lớn về giá cả.

Giá trị hàng tồn kho thành phẩm cuối kỳ được Công ty xác định bằng 78% so với giá bán sản phẩm cùng loại, phương pháp này dẫn đến giá trị hàng tồn kho cuối năm tăng them 209.379.711 đồng so với phương pháp tính giá thành phẩm xuất kho bình quân năm. *(Theo công văn số 526/TVKT của Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2005).*

5.5. Giải thích một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính

Số liệu tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2004 và số liệu chuyển sang thời điểm 01/01/2005 có sự thay đổi giữa:

- Các khoản phải thu và tài sản lưu động khác với số tiền là 281.142.985 đồng do thay đổi giữa các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính, chuyển khoản tạm ứng ở tài sản lưu động khác thành các khoản phải thu khác trong mục các khoản phải thu.
- Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:
  - Nợ phải trả tăng 112.500.000 đồng do theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 01 năm 2005 dự kiến chia cổ tức cổ đông là 15% trên vốn điều lệ (4,5 tỷ x 15%/12tháng x 10 tháng), tương ứng với số tiền là 562.500.000 đồng nhưng sau khi nhận được Báo cáo kiểm toán 2004 ngày 6 tháng 5 năm 2005, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông ngày 9 tháng 5 năm 2005 để phân chia cổ tức 18% trên vốn điều lệ (4,5 tỷ x 18%/12tháng x 10 tháng), tương ứng số tiền là 675.000.000 đồng. Khoản chênh lệch này công ty đã hạch toán vào số dư Tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp khác" thời điểm 01/01/2005 số tiền tăng thêm là 112.500.000 đồng.
  - Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 112.500.000 đồng do việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận thực tế đạt được sau khi Công ty nhận được Báo cáo kiểm toán 2004 và tiến hành Đại hội đồng cổ đông ngày 9 tháng 5 năm 2005 thay đổi như sau:
    - ✓ Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng 168.665.822 đồng do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ 7%, tương ứng số tiền là 168.665.822 đồng từ lợi nhuận sau thuế 2004
    - ✓ Quỹ đầu tư phát triển giảm 280.676.870 đồng do theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 10 tháng 1 năm 2005 khi chưa có Báo cáo kiểm toán trích lập Quỹ đầu tư phát triển 57% từ lợi nhuận sau thuế, khi có Báo cáo kiểm toán thì trích lập Quỹ đầu tư

phát triển 45%, còn 7% giành trích quỹ bổ sung vốn điều lệ và 5% giành bổ sung chia cổ tức.

- ✓ Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 489.039 đồng do khi chưa có Báo cáo kiểm toán, trích 361.915.800 đồng nhưng đến khi có Báo cáo kiểm toán Đại hội đồng cổ đông trích 361.426.761 đồng. Khoản chênh lệch này công ty hạch toán giảm vào số dư tài khoản quỹ khen thưởng phúc lợi thời điểm 01/01/2005.

- Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm 01/01/2005 là 2.422.438.850 đồng do kiểm toán viên cộng lợi nhuận sau thuế của hai giai đoạn trước cổ phần hóa (01/01/2004 đến 29/2/2004) là 12.927.113 đồng và sau cổ phần hóa (01/3/2004 đến 31/12/2004) là 2.409.511.737 đồng.

Tại báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2005 chuyển sang 01/01/2006 có sự thay đổi giữa các khoản mục nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể:

- Chi phí phải trả giảm 56.187.319 đồng là do thay đổi giữa các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, khoản chi phí phải trả trong mục nợ ngắn hạn được chuyển sang chỉ tiêu dự phòng trợ cấp mất việc làm trong mục nợ dài hạn số tiền là 56.187.319 đồng.
- Các khoản phải trả, phải nộp khác tăng 90.000.000 đồng do theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 9 tháng 5 năm 2005 dự kiến chia cổ tức cổ đông là 15% trên vốn điều lệ (4,5 tỷ x 15%), tương ứng số tiền là 675.000.000 đồng nhưng sau khi nhận được Báo cáo kiểm toán 2005 ngày 7 tháng 4 năm 2006, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2006 để phân chia cổ tức 17% trên vốn điều lệ (4,5 tỷ x 17%), tương ứng số tiền là 765.000.000 đồng. Khoản chênh lệch này công ty đã hạch toán vào số dư Tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp khác" thời điểm 01/01/2006 số tiền tăng thêm là 90.000.000 đồng.
- Nợ dài hạn tăng 56.187.319 đồng do khoản chi phí phải trả trong mục nợ ngắn hạn chuyển sang chỉ tiêu dự phòng trợ cấp mất việc làm trong mục nợ dài hạn số tiền tương ứng là 56.187.319 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 89.999.999 đồng do việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận thực tế đạt được sau khi Công ty nhận được Báo cáo kiểm toán 2005 và tiến hành Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2006 thay đổi như sau:
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng 71.579.395 đồng do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ 5% từ lợi nhuận sau thuế 2005, tương ứng số tiền là 71.579.395 đồng.
  - Quỹ đầu tư phát triển giảm 161.579.395 đồng do theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sau khi có Báo cáo kiểm toán 2005 nhất trí biểu quyết giảm tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển từ 32,85% xuống 21,6%, còn lại 5% giành trích quỹ bổ sung vốn điều lệ và 6,25% giành bổ sung chia cổ tức.

6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ và tên : **LUYỆN CÔNG MINH**
   - Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 10/11/1957
   - Nơi sinh : Vĩnh Lại – Lâm Thao – Phú Thọ
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : 24 Hàng Trống – Hoàn Kiếm – Hà Nội
   - Điện thoại liên lạc : 04 832 6982/204, 04 761 4574 – DĐ : 091 323 4308
   - Trình độ : Đại học kinh tế
2. Họ và tên : **ĐOÀN VĂN SINH**
   - Chức vụ : Uỷ viên HĐQT – Giám đốc điều hành
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 30/4/1961
   - Nơi sinh : Nghĩa Hiệp – Nghĩa Hưng – Nam Định
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Tổ 44, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
   - Điện thoại liên lạc : 033 870 038 – Di động : 091 324 9928
   - Trình độ : Kỹ sư Vật liệu xây dựng
3. Họ và tên : **PHAN THỊ TỚI**
   - Chức vụ : Uỷ viên Hội đồng quản trị
   - Giới tính : Nữ
   - Ngày tháng năm sinh : 20/6/1958
   - Nơi sinh : Nghĩa Trụ - Văn Giang – Hưng Yên
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : 11 Thuỵ Khê - Quận Tây Hồ - TP Hà Nội
   - Điện thoại liên lạc : 04 832 6928/213 - Di động : 091 309 3393
   - Trình độ : Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế
4. Họ và tên : **BÙI ĐẠI THIÊN**
   - Chức vụ : Uỷ viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 01/02/1960
   - Nơi sinh : Nam Hồng - Tiền Hải – Thái Bình
   - Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc : 033 670 352 - Di động : 091 324 9934
- Trình độ : Kỹ sư điện tự động hoá

5. Họ và tên : **PHAN VĂN HÙNG**
   - Chức vụ : Uỷ viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 30/5/1961
   - Nơi sinh : Đồng Lạc – Nam Sách - Hải Dương
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Hồng Phong – Đông Triều - Quảng Ninh
   - Điện thoại liên lạc : 033 870 614 - Di động : 098 974 1667
   - Trình độ : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

BAN GIÁM ĐỐC

1. Họ và tên : **ĐOÀN VĂN SINH**
   - Chức vụ : Giám đốc điều hành Công ty
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 30/4/1961
   - Nơi sinh : Nghĩa Hiệp – Nghĩa Hưng – Nam Định
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Tổ 44, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
   - Điện thoại liên lạc : 033 870 038 - Di động : 091 324 9928
   - Trình độ : Kỹ sư Vật liệu xây dựng
2. Họ và tên : **BÙI ĐẠI THIÊN**
   - Chức vụ : Phó giám đốc điều hành Công ty
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 01/02/1960
   - Nơi sinh : Nam Hồng - Tiền Hải - Thái Bình
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh
   - Điện thoại liên lạc : 033 670 352 – Di động : 091 324 9934
   - Trình độ : Kỹ sư điện tự động hoá
3. Họ và tên : **PHAN VĂN HÙNG**
   - Chức vụ : Phó giám đốc điều hành Công ty
   - Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 30/5/1961
- Nơi sinh : Đồng Lạc – Nam Sách - Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Hồng Phong – Đông Triều - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc : 033 870 614 - Di động : 098 974 1667
- Trình độ : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ SỬU**
   - Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát
   - Ngày tháng năm sinh : 10/7/1961
   - Giới tính : Nữ
   - Nơi sinh : Hà Đông, Hà Tây
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Tập thể Ban Vật giá, Thanh Xuân, Hà Nội
   - Điện thoại liên lạc : 091 323 4124
   - Trình độ : Đại học
2. Họ và tên : **NGUYỄN HỮU DŨNG**
   - Chức vụ : Uỷ viên Ban kiểm soát
   - Giới tính : Nam
   - Ngày tháng năm sinh : 26/10/1964
   - Nơi sinh : Khu II Thị trấn Đông Triều – Đông Triều - Quảng Ninh
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Khu II Thị Trấn Đông Triều, Đông Triều - Quảng Ninh
   - Điện thoại liên lạc : 033 880327 – Di động : 0903 293 206
   - Trình độ : Kỹ sư chế tạo máy
3. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH**
   - Chức vụ : Uỷ viên Ban kiểm soát
   - Giới tính : Nữ
   - Ngày tháng năm sinh : 17/2/1978
   - Nơi sinh : Việt Dân – Đông Triều - Quảng Ninh
   - Quốc tịch : Việt Nam
   - Địa chỉ thường trú : Thị trấn Đông Triều – Đông Triều - Quảng Ninh
   - Điện thoại liên lạc : 033 870 613
   - Trình độ : Kỹ sư kinh tế

7. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng giá trị Tài sản cố định của Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera tại thời điểm 31/12/2005 là **30.941.447.579** đồng, trong đó:

7.1. Tài sản cố định hữu hình (tại thời điểm 31/12/2005)

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	20.110.363.579	24.958.932.184	670.441.450	287.224.816	46.026.962.029
2. Số tăng trong năm	1.327.437.976	280.848.022			1.608.285.998
Bao gồm:					
- Mua sắm mới		280.848.022			280.848.022
- Xây dựng mới	1.327.437.976				1.327.437.976
3. Số giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm	21.437.801.555	25.239.780.206	670.441.450	287.224.816	47.635.248.027
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Sô dư đầu năm	4.880.866.447	10.946.886.153	355.043.701	88.403.891	16.271.200.192
2. Khấu hao trong năm	1.285.460.124	2.871.640.590	61.050.948	35.526.276	4.253.677.938
3. Giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm	6.166.326.571	13.818.526.743	416.094.649	123.930.167	20.524.878.130
III. Giá trị còn lại TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm	15.229.497.132	14.012.046.031	315.397.749	198.820.925	29.755.761.837
2. Tại ngày cuối năm	15.271.474.984	11.421.253.463	254.346.801	163.294.649	**27.110.369.897**

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera)

7.2. Tài sản cố định vô hình (tại thời điểm 31/12/2005)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phát minh	Nhãn hiệu hàng hóa	TSCĐ vô hình khác	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm				3.500.000.000	3.500.000.000
2. Số tăng trong năm					
3. Số giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm				3.500.000.000	3.500.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Sô dư đầu năm				175.000.002	175.000.002
2. Khấu hao trong năm				175.000.002	175.000.002
3. Giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm				350.000.004	350.000.004
III. Giá trị còn lại TSCĐ					
1 Tại ngày đầu năm				3.324.999.998	3.324.999.998
2. Tại ngày cuối năm				3.149.999.996	**3.149.999.996**

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera)

Tài sản cố định vô hình là thương hiệu Viglacera

7.3. Tài sản cố định thuê tài chính (tại thời điểm 31/12/2005)

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng TSCĐ thuê tài chính
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm		568.164.714			568.164.714
2. Số tăng trong năm					
3. Số giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm		568.164.714			568.164.714
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm		71.070.591			71.070.591
2. Khấu hao trong năm		56.816.472			56.816.472
3. Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
4. Số dư cuối năm		127.887.063			127.887.063
III. Giá trị còn lại TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm		497.094.123			497.094.123
2. Tại ngày cuối năm		440.277.651			**440.277.651**

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera)

7.4. Tình hình đất đai

Danh mục đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng	Diện tích	Ghi chú
1. Xã Hồng Phong, Huyện Đông Triều	83.095 m^2	Theo Hợp đồng thuê đất số 67HĐ/TĐ ngày 12 tháng 11 năm 2001 - Đất thuê để xây dựng trụ sở và sản xuất vật liệu xây dựng. - Thời hạn 30 năm (hết hạn sử dụng tháng 3/2029). - Công ty trả tiền thuê hàng năm cho địa phương quản lý.
2. Xã Xuân Sơn, Huyện Đông Triều	43.953 m^2	Theo Hợp đồng thuê đất số 67HĐ/TĐ ngày 12 tháng 11 năm 2001 - Đất thuê để xây dựng trụ sở và sản xuất vật liệu xây dựng. - Thời hạn 30 năm (hết hạn sử dụng tháng 3/2029). - Công ty trả tiền thuê hàng năm cho địa phương quản lý.
3. Xã Tân Bình, Huyện Đầm Hà	43.239,2 m^2	Theo Hợp đồng thuê đất số 60HĐ/TĐ ngày 16 tháng 6 năm 2003 - Đất thuê để xây dựng Nhà máy gạch Tuynel. - Thời hạn 50 năm (hết hạn sử dụng là 09/6/2053). - Công ty trả tiền thuê hàng năm cho địa phương quản lý
4. Xã Tân Bình, Huyện Đầm Hà	160.257,8 m^2	Theo Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 5 tháng 2 năm 2004 - Đất thuê để khai thác sét sản xuất gạch ngói nung - Thời hạn 10 năm (hết hạn sử dụng là 9/1/2014). - Công ty trả tiền thuê hàng năm cho địa phương quản lý
Tổng cộng	**330.545 m^2**	

(Nguồn:Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera)

8. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Stt	CHỈ TIÊU	Thực hiện đến 30/6/2006	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008
1	Vốn điều lệ	4.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	6.905.640.882	7.036.648.204	7.090.398.204	7.363.798.204
3	Doanh thu thuần	23.008.127.741	46.024.000.000	48.000.000.000	50.000.000.000
4	Tổng doanh thu	23.135.269.075	46.124.000.000	48.150.000.000	50.250.000.000
5	Tổng chi phí	22.554.562.878	44.874.000.000	46.750.000.000	48.700.000.000
6	Lợi nhuận trước thuế	580.706.197	1.250.000.000	1.400.000.000	1.550.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế	580.706.197	1.075.000.000	1.204.000.000	1.333.000.000
8	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,41%	15,28%	16,98%	18,10%
9	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	1,21%	2,23%	2,68%	2,72%
10	Tỷ lệ chia cổ tức (%/năm)	9,43%	17,00%	15,00%	15,00%
11	Lao động (người)	706	740	770	800
12	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	1.268.000	1.200.000	1.250.000	1.300.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera)

Giải thích:

Công ty thực hiện Cổ phần hóa năm 2004 nên trong 2 năm đầu cổ phần hóa (năm 2004 và 2005) được miễn giảm 100% thuế thu nhập, 2 năm tiếp theo (năm 2006, 2007) được miễn giảm 50% thuế TNDN. Từ năm thứ 5 sau cổ phần hóa (năm 2008) công ty phải nộp thuế TNDN 100% nhưng nếu Công ty tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán trước ngày 1 tháng 01 năm 2007 sẽ được miễn giảm50 % thuế TNDN.

9. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2004 và năm 2005 của Công ty đã thực hiện; Phân tích đánh giá thị trường tương lai, xem xét các yếu tố biến động giá, chỉ số tăng giá, tình hình thực hiện doanh thu và chi phí của đơn vị do đó Công ty đã đưa ra những căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức là:

- Thị trường tiêu thụ của công ty ổn định ở vùng trọng điểm kinh tế là Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh do đó trong những năm qua và các năm tới thị trường tiêu thụ này sẽ đảm bảo tốt việc thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ của Công ty. Ngoài thị trường truyền thống ở khu vực này Công ty còn có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp ở khu vực Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình do đó sản phẩm sản xuất ra sẽ được tiêu thụ hết và phát huy được hết công suất máy móc thiết bị của Công ty, đây là cơ sở quan

trọng để Công ty thực hiện được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2006 và các năm tiếp theo.

- Tổng doanh thu trong 6 tháng đầu năm Công ty đã thực hiện đạt 52,49% kế hoạch năm 2006 đã đặt ra do đó việc thực hiện hoàn thành kế hoạch trong năm 2006 là có cơ sở vững chắc khi thị trường tiêu thụ đã đang ở trong mùa xây dựng mà hệ số lợi nhuận trên doanh thu thuần của công ty trong hai năm 2004 – 2005 là 5% do đó với mức doanh thu kế hoạch trên công ty sẽ thực hiện được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đã đặt ra.
- Tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, có mẫu mã đẹp, giá bán cao, chi phí bỏ ra thấp;
- Công ty xây dựng được một hệ thống các nội quy, quy chế tổ chức quản lý chi phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu và đã thực hiện có hiệu quả trong những năm qua nên chi phí được đảm bảo bằng và thấp hơn kế hoạch đã xây dựng do đó kế hoạch về chi phí được đảm bảo nên việc thực hiện được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty thực hiện có tính khả thi cao.
- Nhà xưởng, máy móc thiết bị đã được thường xuyên sửa chữa trong những năm qua và đã phát huy được tốt năng suất máy móc thiết bị, khai thác tốt nguồn vốn đã đầu tư do đó có nhiều hạng mục tài sản đã trích hết khấu hao nhưng vẫn hoạt động tốt và ổn định cho nên khấu hao cơ bản được trích vào giá thành sản xuất trong những năm tới sẽ giảm. Đây là cơ sở để thực hiện được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty.
- Căn cứ vào dự báo tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong năm 2006 và những năm tiếp theo thì tốc độ xây dựng trong năm tới sẽ có những bước phát triển hơn nữa sản phẩm của Công ty không phải chịu sức ép cạnh tranh từ nước ngoài.
- Công ty hiện đang sở hữu thương hiệu Viglacera, thương hiệu mạnh trong sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam. Sản phẩm của công ty có uy tín và đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường và được người tiêu dung tín nhiệm, do đó giữ ổn định được giá bán sản phẩm theo kế hoạch đã đặt ra. Ngoài ra, công ty còn thực hiện đẩy mạnh công tác Marketing sản phẩm, xây dựng được các chiến lược kinh doanh cụ thể để phù hợp giữa sản xuất với bán hàng; đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, tạo mặt bằng giá mới để tăng doanh thu và lợi nhuận từ 3% - 4%/năm. Tỷ lệ cổ tức dự kiến trong 2 năm tới là 15%/năm.

10. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã dựa trên những thông tin do Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera cung cấp đồng thời thu thập những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết sau đó tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera.

Theo kết quả của việc đánh giá phân tích nói trên, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận năm 2006, 2007 và 2008 do Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera công bố có tính khả thi. Hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty mang lại thu nhập thường xuyên cho công ty.

Tuy nhiên, hiện tại với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, trong đó Nhà nước chiếm 45,9% còn lại là 54,1% do 113 cổ đông nắm giữ được chuyển nhượng tự do, tương đương với 270.500 cổ phần. Với số lượng cổ phần không lớn như vậy, khi tham gia Đăng ký giao dịch thì tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty sẽ có nhiều hạn chế.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn (IBS), dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera.

11. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ

Tại thời điểm này, Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera luôn tuân thủ các cam kết của mình đối với đối tác và khách hàng.

12. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ (KHÔNG CÓ)

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN : **Cổ phiếu phổ thông**

2. MỆNH GIÁ : **10.000 đồng/cổ phần**

3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH : **500.000 cổ phần**

4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách của một cổ phần tại ngày 31/12/2005 được tính như sau:

$$\textbf{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\textbf{Vốn chủ sở hữu}}{\textbf{Tổng số cổ phần}} = \frac{6.414.934.685}{450.000} = \textbf{14.255 đồng}$$

Giá trị sổ sách của một cổ phần ngày 31/8/2006 được tính như sau:

$$\textbf{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\textbf{Vốn chủ sở hữu}}{\textbf{Tổng số cổ phần}} = \frac{6.874.934.685}{500.000} = \textbf{13.750 đồng}$$

(Vốn chủ sở hữu là 6.874.934.685 đồng theo Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 31/8/2006)

5. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI Ở NGOÀI VIỆT NAM

Theo quy định tại Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng chính phủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp, cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được đăng ký giao dịch thì phải thực hiện bán cổ phiếu để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%. Hiện tại Công ty không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu.

6. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/3/2004. Theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần, DNNN chuyển sang Công ty cổ phần được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định hiện hành.

Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty thuộc diện được miễn 100% Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu cổ phần hóa (năm 2004 và năm 2005) và giảm 50% Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo (năm 2006 và năm 2007).

Theo công văn số 5148/TC-CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà nội, ngoài việc hưởng các ưu đãi về thuế như đã nêu ở trên, công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm kể từ khi đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại TTGDCK.

V. CÁC ĐỐI TÁC CÓ LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Điện thoại: 04 974 1865
Trụ sở chính: 306 – Bà Triệu - Hai Bà Trưng – Hà Nội	Fax: 04 974 5601
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:	Điện thoại: 08 914 0200
153 – Hàm Nghi - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	Fax: 08 914 0201

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004;
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 07/GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2000 do Uỷ ban chứng khoán Nhà nước cấp.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chínhh Kế toán và Kiểm toán

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội	Điện thoại: 04 824 1990
Kiểm toán năm 2004, 2005	Fax: 04 825 3973

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Là một bộ phận của nền kinh tế, ngành sản xuất vật liệu xây dựng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự biến động của nền kinh tế nói chung. Kinh tế phát triển, lạm phát, thất nghiệp được kiểm soát, thu nhập của người dân tăng, mức tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng cũng tăng và ngược lại. Trong những năm gần đây xu hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam tăng nhanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, mở rộng thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hướng tới xuất khẩu ra thị trường khu vực. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế sẽ dẫn đến cạnh tranh gay gắt hơn buộc Công ty phải tìm được hướng đi hiệu quả.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán của các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa còn khá mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn trong quá trình hoàn thiện. Do đó, việc sửa đổi các quy định của các cơ quan Quản lý Nhà nước là tất yếu và sẽ có tác động đến các loại cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường.

3. RỦI RO KINH DOANH

Cũng như nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng khác, Công ty phải đối mặt với cuộc cạnh tranh quyết liệt khi thị phần ngày một giảm đi do sự ra đời của các doanh nghiệp mới và sự mở rộng quy mô của các doanh nghiệp hiện có. Tính riêng trong Tổng Công ty thủy tinh và Gốm xây dựng đã có hàng chục đơn vị thành viên hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất nung, bên cạnh đó còn có các Công ty bên ngoài Tổng Công ty cũng sản xuất kinh doanh mặt hàng trên nên tạo sự cạnh tranh gắt với các hoạt động của Công ty. Mặt khác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng chịu ảnh hưởng rất nhiều của thị trường bất động sản và xây dựng. Những thay đổi trong thị trường bất động sản và xây dựng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty.

4. RỦI RO VỀ GIÁ VÀ TỶ GIÁ

Hoạt động chính của Công ty vẫn là thị trường nội địa. Năm 2005 Công ty cũng có hoạt động xuất nhập khẩu nhưng không đáng kể. Do vậy, biến động về tỷ giá không làm ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên hàng năm Công ty tiêu thụ một lượng lớn xăng dầu phục vụ vào việc vận chuyển và khoảng 12.000 tấn than cám 5, do vậy sự biến động giá cả của các mặt hàng trên sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Khi tham gia đăng ký giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, Giá cổ phiếu sẽ được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường và mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư trên bình diện vi mô lẫn vĩ mô, vì vậy giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Triều - Viglacera không nằm ngoài quy luật chung đó.

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, giá cổ phiếu của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các nhân tố khách quan khác như thiên tai, các biến động xã hội v..v…

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I	:	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Phụ lục II	:	Sổ theo dõi cổ đông
Phụ lục III	:	Nghị quyết của HĐQT/Hội đồng thành viên về ĐKGD cổ phiếu
Phụ lục IV	:	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005
Phụ lục V	:	Điều lệ công ty

Quảng Ninh, ngày … tháng ... năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TRIỀU - VIGLACERA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

KẾ TOÁN TRƯỞNG **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**